

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		487,942,535,297	462,029,985,285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	463,662,542,905	446,740,943,430
1. Tiền	111		463,662,542,905	446,740,943,430
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	6,668,141,108	6,457,886,589
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7,234,884,440	7,641,972,753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(566,743,332)	(1,184,086,164)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	16,913,229,485	8,457,939,046
1. Phải thu khách hàng	131		11,901,553,528	11,936,553,528
2. Trả trước cho người bán	132		1,504,230,739	32,890,000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		13,246,839,859	17,894,767
5. Các khoản phải thu khác	138		48,791,079,223	78,818,595,807
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(58,530,473,864)	(82,347,995,056)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		698,621,799	373,216,220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	600,765,899	198,611,220
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	97,855,900	174,605,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7,204,187,826	29,246,893,880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,897,930,005	2,955,124,493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	970,976,005	1,166,520,328
Nguyên giá	222		7,213,042,288	7,213,042,288
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,242,066,283)	(6,046,521,960)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	926,954,000	1,788,604,165
Nguyên giá	228		7,488,985,064	7,488,985,064
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,562,031,064)	(5,700,380,899)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		745,363,636	22,785,747,201
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.3	4,336,363,636	68,562,171,856
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		4,336,363,636	68,562,171,856
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.3	(3,591,000,000)	(45,776,424,655)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,560,894,185	3,506,022,186
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	242,621,512	40,184,092
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	3,567,525,113	3,373,838,094
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	750,747,560	92,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		495,146,723,123	491,276,879,165

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		401,336,340,853	409,989,712,329
I. Nợ ngắn hạn	310		401,336,340,853	409,989,712,329
1. Phải trả người bán	312		321,075,000	0
3. Người mua trả tiền trước	313		79,125,000	116,625,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	173,796,657	207,685,311
5. Phải trả người lao động	315		4,470,641	4,470,641
6. Chi phí phải trả	316	V.13	226,646,589	123,522,721
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		381,079,050,000	380,005,635,000
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.14	2,114,649,119	2,170,651,999
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234,118	234,118
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	17,337,293,729	27,360,887,539
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93,810,382,270	81,287,166,836
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	93,810,382,270	81,287,166,836
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50,000,000,000	50,000,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,047,890,198	1,047,890,198
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(197,237,507,928)	(209,760,723,362)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		495,146,723,123	491,276,879,165

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006	532,894,320,000	694,300,370,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	459,329,380,000	489,279,120,000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6,999,010,000	9,862,890,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	451,756,140,000	478,230,500,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	574,230,000	1,185,730,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	73,564,940,000	205,021,250,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu	013	125,670,000	20,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng	014	73,439,270,000	205,021,230,000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015


NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Kế toán trưởng


NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
 Q. Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Quý III Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	1,451,008,634	2,256,583,737	5,796,582,866	9,163,625,090
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	359,713,438	609,483,709	1,068,720,807	1,697,393,283
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	90,990,586	638,263,142	1,419,012,949	3,551,855,007
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	34,090,909	-	34,090,909	281,560,419
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	57,533,148	96,058,563	246,074,397	318,267,230
Doanh thu khác	01.9	908,680,553	912,778,323	3,028,683,804	3,314,549,151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-		216,000
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	1,451,008,634	2,256,583,737	5,796,582,866	9,163,409,090
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	2,040,299,098	563,599,304	7,477,209,928	2,878,790,245
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20	(589,290,464)	1,692,984,433	(1,680,627,062)	6,284,618,845
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(9,575,342,357)	2,131,905,131	(14,553,306,996)	6,583,640,397
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8,986,051,893	(438,920,698)	12,872,679,934	(299,021,552)
8. Thu nhập khác	31	500	364,236,364	535,500	382,542,273
9. Chi phí khác	32	-	39,827,220	350,000,000	39,827,220
10. Lợi nhuận khác	40	500	324,409,144	(349,464,500)	342,715,053
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8,986,052,393	(114,511,554)	12,523,215,434	43,693,501
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8,986,052,393	(114,511,554)	12,523,215,434	43,693,501
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	374.42	(4.77)	521.80	1.82

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015

NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG

Q. Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	12,523,215,434	43,693,501
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,057,194,488	244,045,035
- Các khoản dự phòng	03	(66,620,288,679)	(4,451,190,355)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,396,419,809)	(7,187,162,961)
- Chi phí lãi vay	06	-	13,737,500
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	08	(57,436,298,566)	(11,336,877,280)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21,443,382,644	(14,561,889,308)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7,234,358,527)	13,095,941,792
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(604,592,099)	(298,364,795)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(13,737,500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	871,451,039,494	1,396,068,877,248
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(876,810,451,868)	(1,383,270,898,936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(49,191,278,922)	(316,948,779)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài	21	-	575,820,052
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài	22	-	380,627,273
6. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(23,535,903,900)	(14,901,417,000)
7. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	88,168,800,433	15,887,531,434
8. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,479,981,864	5,714,896,019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	66,112,878,397	7,657,457,778
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	(3,000,000,000)	(15,400,000,000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	3,000,000,000	15,400,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16,921,599,475	7,340,508,999
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	446,740,943,430	427,994,872,269
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	463,662,542,905	435,335,381,268

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015

NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ
Người lập

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế Toán Trưởng

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2015

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý III năm 2015 thuộc năm tài chính thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành Khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng Khoán.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 12 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu tự doanh có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan về mua chứng khoán như chi phí môi giới và các chi phí giao dịch mua chứng khoán tự doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong vòng 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
TSCĐ khác	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,...) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán thương mại. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trên khoản mục “ Chi phí hoạt động kinh doanh”.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ từ 13 tháng đến 60 tháng.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được.

Báo cáo tài chính Quý III năm 2015 của Công ty còn lỗ lũy kế nên công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Công ty ghi nhận doanh thu trên nguyên tắc sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là chênh lệch lãi từ các hoạt động tự doanh chứng khoán của Công ty, thu lợi từ cổ tức cổ phiếu và lãi trái phiếu;
- Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;
- Doanh thu khác là lãi tiền gửi, thu phí từ dịch vụ khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Nguồn vốn, các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6,088,609	5,476,309
<i>Tiền mặt tại Quý</i>	6,088,609	5,476,309
Tiền gửi ngân hàng (*)	463,656,454,296	446,735,467,121
<i>Tiền gửi của Công ty</i>	447,462,227,166	432,436,680,617
<i>Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán</i>	16,194,227,130	14,298,786,504
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	463,662,542,905	446,740,943,430

Tiền gửi của Công ty tại các Ngân Hàng bao gồm:

- Tiền gửi tại Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền: 380,172,277,749 VNĐ
(Trong đó gồm: 380 tỷ đang tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán);
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền: 21,569,583,763 VNĐ
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền: 22,002,944,262 VNĐ
- Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển số tiền: 9,046,203,774 VNĐ
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền: 507,870,447 VNĐ
- Tiền gửi tại Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Đông Sài Gòn số tiền: 5,000,000,000 VNĐ
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Á số tiền: 17,001,000,472 VNĐ
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình số tiền: 8,308,908,325 VNĐ
- Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng khác số tiền: 47,665,504 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của công ty Chứng khoán	788,240	13,310,915,000
Cổ phiếu	788,240	13,310,915,000
Của nhà đầu tư	19,317,730	211,868,028,900
Cổ phiếu	19,317,730	211,868,028,900
Cộng	20,105,970	225,178,943,900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
I. Chứng khoán thương mại	489,895	355,699	7,234,884,440	7,641,972,753	(566,743,332)	(1,184,086,164)	6,668,141,108	6,457,886,589
Cổ phiếu	489,895	355,699	7,234,884,440	7,641,972,753	(566,743,332)	(1,184,086,164)	6,668,141,108	6,457,886,589
II. Chứng khoán đầu tư	238,500	3,144,447	4,336,363,636	68,562,171,856	(3,591,000,000)	(45,776,424,655)	745,363,636	22,785,747,201
Chứng khoán sẵn sàng để bán	238,500	3,144,447	4,336,363,636	68,562,171,856	(3,591,000,000)	(45,776,424,655)	745,363,636	22,785,747,201
Tổng cộng	728,395	3,500,146	11,571,248,076	76,204,144,609	(4,157,743,332)	(46,960,510,819)	7,413,504,744	29,243,633,790

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

CHỈ TIÊU	Số dư 01/01/2015			Số phát sinh trong kỳ		Số dư 30/09/2015			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1 Phải thu khách hàng	11,936,553,528	11,936,553,528	-	182,185,414	217,185,414	11,901,553,528	11,901,553,528	-	11,901,553,528
2 Trả trước cho người bán	32,890,000	-	-	1,623,491,330	152,150,591	1,504,230,739	-	-	-
3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17,894,767	-	-	14,614,453,706	1,385,508,614	13,246,839,859	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	17,894,767	-	-	14,614,453,706	1,385,508,614	13,246,839,859	-	-	-
4 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	210,716,092	210,716,092	-	-	-	-
5 Phải thu khác	78,818,595,807	70,411,441,528	-	147,312,745,358	177,340,261,942	48,791,079,223	46,628,920,336	-	46,628,920,336
<i>Phải thu ứng trước quyền nhận tiền bán chứng khoán</i>	3,311,498,003	-	-	133,693,438,030	136,332,944,944	671,991,089	-	-	-
<i>Phải thu repo cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết</i>	66,099,642,560	66,099,642,559	-	-	20,000,000,000	46,099,642,560	46,099,642,560	-	46,099,642,560
<i>Phải thu Dịch vụ quản lý tài sản theo ủy quyền</i>	4,578,047,308	-	-	10,779,080,565	15,357,127,873	-	-	-	-
<i>Phải thu các hoạt động khác</i>	4,829,407,936	4,311,798,969	-	2,840,226,763	5,650,189,125	2,019,445,574	529,277,776	-	529,277,776
Tổng Cộng	90,805,934,102	82,347,995,056	-	163,943,591,900	179,305,822,653	75,443,703,349	58,530,473,864	-	58,530,473,864

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Cuối kỳ
Chi phí Nhân viên	20,250,000	174,669,166	86,118,419	108,800,747
Bảo hiểm tài sản và chi phí bằng tiền khác	50,007,886	35,953,463	66,368,037	19,593,312
CP Đường truyền, internet	84,720,000	1,135,218,838	762,696,616	457,242,222
Chi phí công cụ, dụng cụ	37,633,334	2,307,272	37,810,988	2,129,618
Chi phí thuê nhà	6,000,000	585,000,000	581,000,000	10,000,000
Chi phí Hội nghị khách hàng	-	18,000,000	15,000,000	3,000,000
Cộng	198,611,220	1,951,148,739	1,548,994,060	600,765,899

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản còn tạm ứng tại thời điểm cuối kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	66,260,000	6,206,327,743	940,454,545	-	7,213,042,288
2. Tăng trong kỳ					-
3. Giảm trong kỳ					-
4. Số cuối kỳ	66,260,000	6,206,327,743	940,454,545	-	7,213,042,288
II. Giá Trị Hao Mòn					
1. Số đầu năm	66,260,000	5,941,076,354	39,185,606	-	6,046,521,960
2. Tăng trong kỳ	-	77,987,502	117,556,821	-	195,544,323
3. Giảm trong kỳ	-			-	-
4. Số cuối kỳ	66,260,000	6,019,063,856	156,742,427	-	6,242,066,283

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

III. Giá Trị còn lại

1. Số đầu năm	-	265,251,389	901,268,939	-	1,166,520,328
2. Số cuối kỳ	-	187,263,887	783,712,118	-	970,976,005

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

1. Số đầu năm	66,260,000	5,894,377,743	-	-	5,960,637,743
2. Số cuối kỳ	66,260,000	5,894,377,743	-	-	5,960,637,743

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên Giá		
1. Số đầu năm	7,488,985,064	7,488,985,064
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	7,488,985,064	7,488,985,064
II. Giá Trị Hao Mòn		
1. Số đầu năm	5,700,380,899	5,700,380,899
2. Tăng trong kỳ	861,650,165	861,650,165
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	6,562,031,064	6,562,031,064
III. Giá Trị còn lại		
1. Số đầu năm	1,788,604,165	1,788,604,165
2. Số cuối kỳ	926,954,000	926,954,000
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:		
1. Số đầu năm	1,189,469,550	1,189,469,550
2. Số cuối kỳ	4,010,209,064	4,010,209,064

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	18,423,611	219,501,921	10,911,582	227,013,950
Chi phí đường truyền	21,760,481	22,891,090	29,044,009	15,607,562
Cộng	40,184,092	242,393,011	39,955,591	242,621,512

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,108,826,159	2,915,139,140
Tiền lãi phân bổ trong năm/kỳ	338,698,954	338,698,954
Số dư cuối năm/kỳ	3,567,525,113	3,373,838,094

11. Tài sản dài hạn khác

Tiền công ty ký quỹ để thực hiện hợp đồng thuê mặt văn phòng kinh doanh

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
I.	Thuế	207,685,311	517,375,172	551,263,826	173,796,657
1	Thuế GTGT bán hàng nội địa	1,818,182	4,663,636	2,472,727	4,009,091
3	Các loại thuế khác	205,867,129	512,711,536	548,791,099	169,787,566
	- Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
	- Thuế TNCN	205,867,129	509,711,536	545,791,099	169,787,566
	Tổng cộng	207,685,311	517,375,172	551,263,826	173,796,657

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí kiểm toán	13,636,359	27,272,271
- Chi phí Giao dịch và lưu ký chứng khoán	174,310,230	70,000,000
- Chi phí khác	38,700,000	26,250,000
Cộng	226,646,589	123,522,271

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	1,079,050,000	5,635,000
Phải trả NH TMCP Tiên Phong	380,000,000,000	380,000,000,000
Cộng	381,079,050,000	380,005,635,000

(*) Phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán 380 tỷ, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công Thương và đang tạm ngừng giao dịch.

15. Phải trả cổ tức gốc và lãi cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2,095,236,619	2,151,239,499
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19,412,500	19,412,500
Cộng	2,114,649,119	2,170,651,999

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>16,685,000</i>	<i>13,297,500</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>(806,200)</i>	<i>8,471,800</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>-</i>	<i>633,600</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>316,600</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1,127,187,799</i>	<i>5,784,528,535</i>
Phải trả khác cho các cá nhân	-	4,750,000,000
Phải trả lãi nhà đầu tư	10,062,799	6,973,535
Phải trả khác	1,117,125,000	1,027,555,000
<i>Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của Nhà đầu tư</i>	<i>13,545,283,130</i>	<i>14,298,786,504</i>
<i>Phong tỏa ký quỹ Mua chứng khoán của Nhà đầu tư</i>	<i>2,646,644,000</i>	<i>7,254,853,000</i>
<i>Phong tỏa tiền Quyền mua chứng khoán của Nhà đầu tư</i>	<i>2,300,000</i>	
Cộng	17,337,293,729	27,360,887,539

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

17. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240,000,000,000			240,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	50,000,000,000			50,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,047,890,198			1,047,890,198
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(209,760,723,362)	12,523,215,434		(197,237,507,928)
Cộng	81,287,166,836	12,523,215,434	-	93,810,382,270

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	QUÝ III		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	359,713,438	609,483,709	1,068,720,807	1,697,393,283
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	90,990,586	638,263,142	1,419,012,949	3,551,855,007
Doanh thu lưu ký chứng khoán	57,533,148	96,058,563	246,074,397	318,267,230
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	34,090,909	-	34,090,909	281,560,419
Doanh thu khác	908,680,553	912,778,323	3,028,683,804	3,314,549,151
Cộng	1,451,008,634	2,256,583,737	5,796,582,866	9,163,625,090

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	QUÝ III		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	530,915,506	510,966,520	1,543,073,426	1,544,141,281
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	45,774,335,197	47,949,766	48,493,486,082	4,884,946,827
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán				62,240,853
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	74,712,488	100,031,753	237,117,907	325,019,314
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	(44,341,664,093)	(98,965,402)	(42,802,767,487)	(3,951,295,530)
Chi phí khác	2,000,000	3,616,667	6,300,000	13,737,500
Cộng	2,040,299,098	563,599,304	7,477,209,928	2,878,790,245

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ III		LŨY KẾ ĐẦU NĂM	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,161,130,118	802,940,723	3,195,473,522	2,394,410,250
Chi phí vật liệu quản lý	10,331,400	9,995,908	41,631,583	18,979,917
Chi phí đồ dùng văn phòng	40,252,951	28,816,856	84,650,727	190,697,491
Chi phí khấu hao TSCĐ	305,772,556	339,834,600	1,057,194,488	1,014,037,867
Thuế, phí và lệ phí	-	-	3,000,000	3,000,000
Chi phí dự phòng phải thu	(12,435,000,000)	(190,000,000)	(22,435,000,000)	(479,894,825)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,164,268,905	931,940,066	2,995,510,537	2,762,941,299
Chi phí bằng tiền khác	177,901,713	208,376,978	504,232,147	679,468,398
Cộng	(9,575,342,357)	2,131,905,131	(14,553,306,996)	6,583,640,397

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đvt	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn					
Bố trí cơ cấu tài sản					
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	98,55	91,10	98,55	91,10
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	1,45	8,90	1,45	8,90
Bố trí cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	81,05	85,60	81,05	85,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	18,95	14,40	18,95	14,40
Khả năng thanh toán					
Khả năng thanh toán hiện hành (TS/N)	Lần	1,23	1,17	1,23	1,17
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	1,22	1,06	1,22	1,06
Khả năng thanh toán nhanh ((T+DTNH)/NNH)	Lần	1,17	0,92	1,17	0,92
Tỷ suất sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu					
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	619,30	(19,45)	222,07	(3,26)
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	619,30	(5,07)	216,04	0,48
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,81	(0,02)	2,53	0,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,81	(0,02)	2,53	0,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,58	(0,14)	13,35	0,05

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

2. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

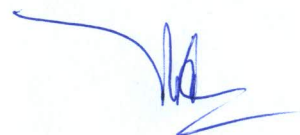
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý III Năm 2015

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Năm trước		Năm nay			
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240,000,000,000	240,000,000,000	-	-	-	-	240,000,000,000	240,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-	-	-	50,000,000,000	50,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,047,890,198	1,047,890,198	-	-	-	-	1,047,890,198	1,047,890,198
Lợi nhuận chưa phân phối	(210,406,194,285)	(209,760,723,362)	43,693,501	-	12,523,215,434	-	(210,362,500,784)	(197,237,507,928)
Tổng cộng	80,641,695,913	81,287,166,836	43,693,501	-	12,523,215,434	-	80,685,389,414	93,810,382,270

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015

**NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ**

Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG**

Q. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Phụ lục số 1

STT	Mã chứng khoán	Số Lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Giá trị dự phòng
1	KHB	238,500	4,336,363,636	667,800,000	(3,591,000,000)
2	ASM	13	114,400	126,100	-
3	ABT	9	454,500	468,000	-
4	BBC	6	80,900	342,000	-
5	BHS	6	81,600	94,200	-
6	BTT	175	5,771,542	5,775,000	-
7	BMC	12	237,500	189,600	-
8	C32	2	58,600	63,800	-
9	CSM	33	1,065,642	943,800	-
10	CTG	13	246,000	254,800	-
11	DHG	21	1,440,000	1,396,500	-
12	DIC	10	145,950	76,000	(70,350)
13	DIG	8	88,200	96,800	-
14	DQC	14	759,000	903,000	-
15	DXG	5	85,500	89,000	-
16	EIB	7	96,986	84,000	-
17	FLC	330,011	2,987,088,000	2,112,070,400	(149,000,000)
18	FPT	16	691,024	712,000	(16,824)
19	GTA	19	306,400	332,500	-
20	HAG	18,013	278,389,919	266,592,400	-
21	HAI	11	75,000	63,800	-
22	HAP	8	47,800	48,800	-
23	HBC	7	138,600	119,000	-
24	HPG	7	185,700	212,800	-
25	HSG	18	705,000	734,400	-
26	HT1	3	62,400	66,000	-
27	HCM	7	248,500	253,400	-
28	HVG	8	145,289	135,200	-
29	ITA	61	365,700	317,200	-
30	KBC	5	71,500	63,000	-
31	KDC	16	640,855	396,800	-
32	KHA	47	1,247,420	1,363,000	-
33	KMR	2	12,600	9,200	(2,200)
34	MAC	28	107,500	313,600	-
35	MBB	3	42,992	45,000	-
36	NAV	3	193,346	25,800	(171,746)
37	NHC	10	-	269,000	-
38	PET	11	168,000	171,600	-
39	PJT	7	58,100	63,000	-
40	PNC	4	52,400	48,400	-
41	PGC	30	412,300	426,000	(10,400)
42	PNJ	10	348,600	330,000	-
43	PPC	13	268,800	228,800	-
44	PPI	3	69,300	20,400	(42,300)
45	PVD	23	1,059,868	786,600	-
46	PVS	40,000	835,000,000	832,000,000	-
47	PVT	9	89,423	93,600	-
48	QNC	124	1,713,500	744,000	(833,100)
49	REE	26	642,800	652,600	-
50	RIC	6	55,800	51,000	-
51	SAM	18	235,498	144,000	(28,898)



STT	Mã chứng khoán	Số Lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Giá trị dự phòng
52	SAS	100,000	3,100,000,000	2,960,000,000	(410,000,000)
53	SD7	89	1,400,267	979,000	(528,067)
54	SFC	6	118,800	138,000	-
55	SHI	57	667,300	741,000	-
56	SIC	27	305,100	159,300	-
57	SMC	7	53,200	43,400	-
58	STB	41	703,458	672,400	-
59	STC	30	420,000	810,000	-
60	TCM	1	13,469	36,700	-
61	TDH	14	250,147	187,600	(29,447)
62	TS4	8	64,000	68,800	-
63	VCB	8	377,745	343,200	-
64	VIC	16	627,300	667,200	-
65	VIP	2	23,400	18,400	-
66	VNM	8	860,000	800,000	-
67	VID	21	92,000	176,400	-
68	VNS	7	210,000	221,900	-
69	VTO	2	14,000	13,200	-
70	VSP	630	7,018,000	693,000	(6,010,000)
Cộng		728,395	11,571,248,076	6,865,375,400	(4,157,743,332)

